

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày: 30/3/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Liêm.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

LÊ THỊ D; Sinh năm: 1996 (Tên gọi khác R)- tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: thôn H N, xã T, huyện H, tỉnh B; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N1; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: ông Lê Minh A, sinh năm: 1964; Mẹ: bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1968; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2020, ngày 10/9/2020 bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thế C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Phú Trinh, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Bình Thuận phối hợp với Công an xã N, thành phố P bắt quả tang Lê Thị D đang có hành vi tàng trữ trái phép chất nghi là ma túy tại trước số nhà 05 đường Ngô Đức Tôn, thuộc thôn Xuân Phú, xã N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Lực lượng Công an thu giữ:

- 01 (một) gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong chứa 10 viên nén màu hồng, hình viên kim cương, một mặt có hình đầu lâu, một mặt có gạch dọc (ký hiệu M1 khi giám định) và 01 (một) gói nylon không màu, có nhíp kéo một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được thu giữ trong túi đeo chéo màu đen có chữ ADIDAS của D (ký hiệu M2 khi giám định);

-01 điện thoại di động, mặt sau có chữ Iphone, số seri: G6TXDXF9KPH6, bên trong chứa sim số 0978028742, mặt khóa 258000, thu giữ trong lòng bàn tay trái của D;

-01 điện thoại di động màu xanh, đen mặt trước và mặt sau có chữ Nokia và có nứt vỡ, số seri 1: 357743108429188, số seri 2: 357743109335384, thu giữ trong túi quần bên trái phía trước của D.

-Tiền Việt N1: 1.000.000 đồng, thu giữ trong túi đeo chéo màu đen có chữ ADIDAS của D.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị D tại phòng trọ số 4, nhà trọ Dũng Bình thuộc khu phố 1, phường Phú T, thành phố P, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Bình Thuận tiến hành thu giữ:

-01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (05 x 08) cm, thu giữ trong chiếc giày trái bằng vải màu đen-trắng được để trong hộp đựng giày dép ở vị trí thứ ba từ dưới lên trong phòng của D, bên trong có:

+01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong chứa 07 viên nén màu hồng, hình quả dâu (ký hiệu M3 khi giám định); và 02 viên nén màu hồng, hình vuông, một mặt có chữ Gucci, mặt còn lại có một gạch ngang (ký hiệu M4 khi giám định);

+04 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu xanh một đầu, kích thước khoảng (04 x 04) cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 02 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M5 khi giám định);

- Thu giữ trong rổ nhựa màu hồng đặt trên bàn học trong phòng của D 01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M6 khi giám định).

- Thu giữ trong túi bên hông của ba lô đặt trên bàn học trong tủ quần áo trên gác phòng của D 01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M7 khi giám định);

- Thu giữ trong kệ gỗ, tầng thứ ba từ dưới lên đặt trên gác phòng của D 01 gói nylon không màu, hàn kín, kích thước khoảng (03 x 04) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M8 khi giám định);

- Thu giữ trong tủ quần áo gần phòng vệ sinh trong phòng của D một bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế.

Quá trình điều tra, Lê Thị D khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, Nguyễn Thế C (tên gọi khác là Tý, sinh năm 1989, trú tại Khu phố 5, phường Phú T1, thành phố P) gọi điện thoại cho Lê Thị D và rủ D xuống nhà C chơi thì D đồng ý. Khoảng một tiếng sau, D đi xe taxi đến nhà D. Đến nhà D, D đi vào phòng ngủ của D ngồi chơi một lúc, sau đó D lấy ma túy đá ra để D và D cùng sử dụng. Một lúc sau, D lấy trong bọc màu trắng treo trên tường trong phòng ngủ của D ra một gói nylon bên trong có 10 viên thuốc lắc màu hồng, hình viên kim cương và 01 gói nylon chứa khoảng 05 gam ma túy loại Ketamin và bỏ vào túi đeo chéo, màu đen của D và nói với D: “Lấy chơi đi”. Thấy vậy, D nói với D “Không có tiền” thì D nói lại “Cứ cầm về chơi” thì D đồng ý. Khoảng 30 phút sau, D đi taxi về nhà. Khi đi đến đầu đường Ngô Đức Tôn, thuộc Thôn Xuân Phú, xã N, thành phố P thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Bình Thuận phối hợp với Công an xã N, thành phố P bắt quả tang và thu giữ các tang vật trên. Riêng đối với số ma túy thu giữ được tại phòng trọ của D là do Nguyễn Thế C đã nhiều lần cho D sử dụng nhưng do không sử dụng hết nên D đã để lại nhiều nơi trong phòng trọ của mình, mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy là để sử dụng.

Căn cứ vào lời khai của D. Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 04) Công an tỉnh Bình Thuận tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thế C. Khi lực lượng Công an đến khám xét thì D đã bỏ đi, trong nhà chỉ có bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1962, trú cùng địa chỉ với D) là mẹ ruột của D, Nguyễn Thế H (sinh năm 1993, trú cùng địa chỉ) là em ruột của D và Nguyễn Anh P, sinh năm 1993, trú tại Khu phố 7, thị trấn LH, huyện T) là em rể của D. Lực lượng chức năng đã thu giữ:

-01 điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau có chữ Nokia, không rõ sim số, seri 1: 353109118508425, số seri 2: 353109119508424 (thu giữ trong một cái lu trước nhà phía bên trái);

-01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M9 khi giám định) và 01 gói nylon không màu, có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước khoảng (04 x 07) cm, bên trong có chứa 20 viên nén màu hồng, hình viên kim cương, một mặt mỗi viên có hình đầu lâu, mặt còn lại mỗi viên có một gạch dọc (ký hiệu M10 khi giám định), thu giữ trong hộp bánh ghi chữ “Danisa” bằng thiếc, hình tròn kích thước đường kính 22,5cm, chiều cao 8,5 cm để trong ngăn mát tủ lạnh nhà D.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thế C khai nhận: Vào khoảng 16 giờ ngày 01/9/2020, D liên hệ với một người tên N1 (không rõ nhân thân) ở thành phố Hồ Chí Minh hỏi mua 20 viên thuốc lắc và ma túy dạng khay với tổng số tiền là 13.400.000đồng. Sau đó, D đến bưu điện VNPT trên đường Lê Hồng Phong thuộc phường Phú T1, thành phố P gửi 13.400.000đồng cho N1, còn N1 thì gửi ma túy về

cho D bằng dịch vụ vận chuyển của nhà xe Trung Nga. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D đi taxi đến nhà xe Trung Nga nhận hàng rồi đi về lại nhà của mình ở khu phố 5, phường Phú T1, thành phố P giấu vào hộp bánh Danisa cất vào trong ngăn mát tủ lạnh nhà mình rồi bỏ trốn khi lực lượng Công an vào kiểm tra. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được các tình tiết như lời khai của D. Nguyễn Thế C cũng không thừa nhận việc D cho Lê Thị D ma túy để sử dụng như lời khai của D.

Tại bản kết luận giám định số 975/KLGD-PC09 ngày 09/9/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

-Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 3,0053 gam, là MDMA.

-Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 2,2012gam, là Ketamine.

-Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 2,4301gam, không tìm thấy thành phần các chất có trong các danh mục ma túy và tiền chất được ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

-Mẫu M4 gửi giám định có khối lượng 0,8202 gam, không tìm thấy thành phần các chất có trong các danh mục ma túy và tiền chất được ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

-Mẫu M5 gửi giám định có khối lượng 4,0019 gam, là Ketamine.

-Mẫu M6 gửi giám định có khối lượng 0,5023gam, là Ketamine.

-Mẫu M7 gửi giám định có khối lượng 0,0618 gam, là Ketamine.

-Mẫu M8 gửi giám định có khối lượng 0,1012gam, là Methamphetamine.

-Mẫu M9 gửi giám định có khối lượng 8,7620gam, là Ketamine.

-Mẫu M10 gửi giám định có khối lượng 6,2075gam, là MDMA.

Trên 02 gói nylon trong phong bì đánh số 08 có dấu vết đường vân mờ nhòe, không rõ đặc điểm, không đủ yếu tố giám định.

Hoàn lại mẫu vật giám định:

-01 gói nylon và 1,9041 gam mẫu M1 được niêm phong trong phong bì số 975/1, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu torn2 màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

-01 gói nylon và 1,3540 gam mẫu M2 được niêm phong trong phong bì số 975/2, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

-01 gói nylon được niêm phong trong phong bì số 975/3, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận (trong quá trình giám định mẫu M3 và M4 đã được sử dụng hết);

-06 gói nylon và 2,3560 gam mẫu M5 được niêm phong trong phong bì số 975/4, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

-01 gói nylon và 0,3269 gam mẫu M6 được niêm phong trong phong bì số 975/5, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

-01 gói nylon được niêm phong trong phong bì số 975/6, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận (trong quá trình giám định mẫu M7 đã được sử dụng hết);

-01 gói nylon và 0,0720 gam mẫu M8 được niêm phong trong phong bì số 975/7, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

-02 gói nylon: 5,3532 gam mẫu M9 và 3,3332 gam mẫu M10 được niêm phong trong phong bì số 975/8, có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận.

Hiện các mẫu vật còn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 975/1, 975/2, 975/3, 975/4, 975/5, 975/6, 975/7 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P để bảo quản chờ xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động mặt sau có chữ Iphone, số Seri: G6TXDXF9KPH6, bên trong chứa sim số: 0978028742; 01 điện thoại di động màu xanh, đen mặt trước và mặt sau có chữ Nokia và có nút vỡ, số seri 1: 357743108429188, số seri 2: 357743109335384 và số tiền 1.000.000đồng. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại cho D.

Đối với phong bì số 975/8 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận và 01 điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau có chữ Nokia, không rõ sim số, số seri 1: 353109118508425, số seri 2: 353109119508424, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Thế C xử lý sau.

Xét nghiệm chất ma túy đối với Lê Thị D vào ngày 02/9/2020 thể hiện D dương tính với Methamphetamine, Ketamine, MDMA.

Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, không khiếu nại hay thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng. Tuy nhiên, bị cáo xác nhận lại số ma túy cơ quan điều tra thu giữ tại phòng trọ của bị cáo có nguồn gốc của Trần Thế D đưa cho bị cáo nhiều lần chưa sử dụng hết và bị cáo cũng

chưa trả tiền cho D, đúng như lời khai của bị cáo khai ngày 02/9/2020 tại Cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị D từ 24 (hai mươi bốn tháng) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu và tiêu hủy các mẫu vật còn lại sau giám định ma túy được niêm phong trong các phong bì 975/1, 975/2, 975/3, 975/4, 975/5, 975/6, 975/7 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật - Công an tỉnh Bình Thuận và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế – là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và vật không có giá trị sử dụng.

Bị cáo không tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất ân hận, bị cáo đã thức tỉnh về hành vi sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị D tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, các vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu điều tra về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bị cáo và các chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, Lê Thị D đã có hành vi tàng trữ trái phép 3,0053 gam MDMA và 2,2012 gam Ketamine tại đường Ngô Đức Tôn thuộc thôn Xuân Phú, xã N, thành phố P và tàng trữ 4,566 gam Ketamine, 0,1012 gam Methamphetamine tại nơi ở của D tại phòng trọ số 1, nhà trọ Dũng Bình thuộc khu phố 1, phường Phú T, thành phố P. Như vậy, Lê Thị D đã tàng trữ trái phép 3,0053 gam MDMA, 0,1012 gam Methamphetamine và 6,7672 gam Ketamine nhằm mục đích sử dụng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Lê Thị D tàng trữ 3,0053 gam MDMA, 0,1012 gam Methamphetamine và 6,7672 gam Ketamine nên cách tính như sau: Tỷ

lệ phần trăm của MDMA so với mức tối thiểu (tại điểm g khoản 2 Điều 249 quy định từ 05 gam đến dưới 30 gam) là $05\text{gam}: 3,0053/5 \times 100 = 60,106\%$; Tỷ lệ phần trăm của Methamphetamine so với mức tối thiểu (tại điểm g khoản 2 Điều 249 quy định từ 05 gam đến dưới 30 gam) là $05\text{gam}: 0,1012/5 \times 100 = 2,024\%$; Tỷ lệ phần trăm của Ketamin so với mức tối thiểu (tại điểm l khoản 2 Điều 249 quy định từ 20 gam đến dưới 100 gam) là $20\text{gam}: 6,7672/20 \times 100 = 33,836\%$; Như vậy tổng tỷ lệ phần trăm của số ma túy Lê Thị D tàng trữ là: $60,106\% + 2,024\% + 33,836\% = 95,966\%$ (dưới 100%). Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Thị D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo Lê Thị D là cố ý, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hơn nữa còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Hành vi của bị cáo Lê Thị D là rất nguy hiểm, bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, sự phát triển giống nòi của dân tộc và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội, bị cáo cũng nhận thức được MDMA, Methamphetamine và Ketamine là các loại ma túy gây nghiện, Nhà nước nghiêm cấm và nghiêm khắc xử lý đối với mọi hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ... trái phép nhưng bị cáo bất chấp hậu quả pháp lý. Do vậy, Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy là hợp lý vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo. Bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, để đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử lý bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo lao động trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động mặt sau có chữ Iphone, số Seri: G6TXDXF9KPH6, bên trong chứa sim số: 0978028742; 01 điện thoại di động màu xanh, đen mặt trước và mặt sau có chữ Nokia và có nút vỡ, số seri 1: 357743108429188, số seri 2: 357743109335384 và số tiền 1.000.000 đồng, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại cho D là phù hợp.

Đối với phong bì số 975/8 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận và 01 điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau có chữ Nokia, không rõ sim số, số seri 1: 353109118508425, số seri 2: 353109119508424, Cơ quan Cảnh sát điều tra –

Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Thế C xử lý sau là phù hợp.

Đối với các mẫu vật còn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 975/1, 975/2, 975/3, 975/4, 975/5, 975/6, 975/7 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế; đây là vật chứng của vụ án nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Đối với Nguyễn Thế C, quá trình điều tra chưa làm rõ được hành vi tàng trữ trái phép ma túy của D, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định tách vụ án để điều tra xử lý sau nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 01/9/2020.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy:

-07 phong bì niêm phong số 975/1, 975/2, 975/3, 975/4, 975/5, 975/6, 975/7 có chữ ký của giám định viên Đinh Trung Hiếu và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bình Thuận;

-01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 68 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị D phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Tp. P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an Thành phố P;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên